

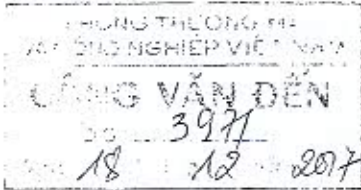
BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8065 /TCHQ -GSQL

Hà Nội, ngày 1 tháng 1 năm 2017

V/v tạm nhập tái xuất mặt hàng mỹ phẩm, thuốc uống phục vụ thuyền viên tàu nước ngoài



Kính gửi : Ông Phan Thành Tuyền – Công ty TNHH
Thương mại và Dịch vụ Tấn Đạt.

(Đ/c: 342/1 Huỳnh Tấn Phát, KP6 TT Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh)

Trả lời vướng mắc của ông Phan Thành Tuyền – Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tấn Đạt đề nghị hướng dẫn thủ tục tạm nhập tái xuất mặt hàng mỹ phẩm, thuốc uống phục vụ thuyền viên tàu nước ngoài, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

1. Về chính sách quản lý

1.1 Tạm nhập, tái xuất thuốc:

Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 187/2013/NĐ-CP quy định: “Việc tạm nhập, tái xuất các loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện quản lý bằng giấy phép thực hiện theo giấy phép của Bộ Công Thương sau khi có ý kiến chấp thuận của Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành”.

Quy định về việc nhập khẩu thuốc không nhằm mục đích thương mại tại Điều 75 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược như sau:

- Thuốc chỉ được cấp phép nhập khẩu theo hình thức nhập khẩu không vì mục đích thương mại khi thuộc hành lý cá nhân của người nhập cảnh gửi theo vận tải đơn hoặc hàng hóa mang theo người của người nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh và không phải là thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất.

- Các trường hợp khi nhập khẩu không vì mục đích thương mại không cần giấy phép bao gồm: Số lượng nhập khẩu không vượt quá số lượng sử dụng tối đa 07 ngày đối với thuốc gây nghiện hoặc 10 ngày đối với thuốc hướng thần, thuốc tiền chất theo liều dùng ghi trong đơn thuốc kèm theo; Thuốc nhập khẩu không phải là thuốc hướng thần, thuốc gây nghiện, thuốc tiền chất có tổng trị giá hải quan không quá 200 (hai trăm) đô-la Mỹ; Trường hợp thuốc sử dụng cho người bị bệnh thuộc Danh mục bệnh hiểm nghèo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuốc có tổng trị giá hải quan không quá 10.000.000 (mười triệu) đồng 01 lần và số lần nhập thuốc tối đa không quá 04 lần trong 01 năm cho 01 cá nhân.

- HVĐT

- VP

Vch

19.12.17

T-kh
Mh

Căn cứ các quy định nêu trên thì trường hợp thuốc nhập khẩu thuộc diện quản lý bằng giấy phép nhập khẩu phải thực hiện theo giấy phép tạm nhập tái xuất của Bộ Công Thương.

Đề nghị Ông căn cứ thực tế hàng hóa và đối chiếu các quy định nêu trên để xác định mặt hàng thuốc dự kiến tạm nhập, tái xuất có cần phải giấy phép tạm nhập tái xuất của Bộ Công Thương không. Trường hợp còn vướng mắc phát sinh, đề nghị ông liên hệ với Bộ Y tế để được hướng dẫn giải quyết.

1.2. Tạm nhập tái xuất mỹ phẩm cho thuyền viên tàu nước ngoài:

Theo Điều 35 Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25/11/2011 của Bộ Y tế quy định mỹ phẩm nhập khẩu phải có Phiếu công bố mỹ phẩm (không phải giấy phép nhập khẩu), theo đó căn cứ khoản 2 Điều 12 Nghị định số 187/2013/NĐ-CP dẫn trên thì mỹ phẩm tạm nhập, tái xuất cho thuyền viên tàu nước ngoài không phải có giấy phép tạm nhập, tái xuất của Bộ Công Thương.

2. Thủ tục hải quan:

Về hồ sơ hải quan, đề nghị Ông căn cứ theo hồ sơ đối với hàng hóa tạm nhập tái xuất quy định tại Điều 50 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ và khai báo theo mã loại hình G13 - Tạm nhập miễn thuế khi tạm nhập và G23 - Tái xuất miễn thuế khi tái xuất trên tờ khai hải quan.

Tổng cục Hải quan trả lời để Ông được biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để b/cáo);
- Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI) (để tổng hợp);
- Lưu: VT, GSQL.Tân (3b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

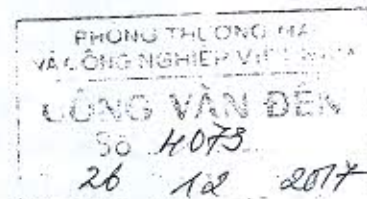


Yù Ngọc Anh

Số: 17245 /BTC-ĐT
V/v kiến nghị của bà Nguyễn Thị
Minh Phương

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2017

Kính gửi: Bà Nguyễn Thị Minh Phương



- HVĐT
- VP -/

M. H

27.12.17

*Phạm Thị
Huyền*

Trả lời công văn số 12240/VPCP-KTTH ngày 16/11/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc kiến nghị của bà Nguyễn Thị Minh Phương về một số vướng mắc khi thực hiện Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án (BQLDA) sử dụng vốn ngân sách nhà nước; Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Câu hỏi 1: Về thu nhập tăng thêm: Việc chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, viên chức trong đơn vị được thanh toán vào thời gian nào trong năm (theo tháng, theo quý hoặc cuối năm) hay theo tháng, quý có được ứng trước không, nếu có thì được tạm ứng bao nhiêu phần trăm?

Thu nhập tăng thêm được chi trong chi thường xuyên hay chi từ quỹ? Nếu chi từ quỹ thì chi từ quỹ nào vì theo Điều 19 Thông tư này về sử dụng kết quả hoạt động tài chính trong năm không đề cập đến việc chi trả thu nhập tăng thêm từ quỹ nào?

Trả lời:

Do quý độc giả không nêu rõ Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Phú Nhuận là BQLDA nhóm I hay nhóm II. Vì vậy, sẽ xảy ra hai trường hợp:

1. Trường hợp Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Phú Nhuận là BQLDA nhóm I thì việc lập dự toán, quyết toán thu chi hàng năm thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, theo đó:

- Tại điểm a Khoản 3 Điều 13 Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017, căn cứ vào kinh phí có khả năng tiết kiệm được trong năm kế hoạch, chủ đầu tư, BQLDA tạm tính chi thu nhập tăng thêm trong năm được thực hiện theo Quý hoặc theo 6 tháng tùy theo điều kiện cụ thể của từng chủ đầu tư, BQLDA.

- Tại Điều 13 Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, BQLDA sử dụng vốn ngân sách nhà nước đã quy định:

“Số kinh phí quản lý dự án tiết kiệm được khi kết thúc năm ngân sách là khoản chênh lệch giữa số chi thực tế thấp hơn nguồn kinh phí trong dự toán thu,

chi quản lý dự án được duyệt sau khi đã hoàn thành các nhiệm vụ, công việc được giao trong năm về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Các hoạt động quản lý đặc thù phát sinh trong năm, kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã được phê duyệt trong dự toán nếu không thực hiện trong năm mà chuyển sang thực hiện năm sau thì không được xác định là kinh phí tiết kiệm được trong năm.”

Như vậy, khoản dự toán chi quản lý dự án được duyệt sau khi đã hoàn thành các nhiệm vụ, công việc được giao trong năm về quản lý dự án đầu tư xây dựng của Ban mà không sử dụng hết (trừ các hoạt động quản lý đặc thù phát sinh trong năm, kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã được phê duyệt trong dự toán nếu không thực hiện trong năm mà chuyển sang thực hiện năm sau) sẽ là khoản kinh phí quản lý dự án tiết kiệm được và được sử dụng để chi các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính, trong đó có chi thu nhập tăng thêm.

Kết thúc niên độ ngân sách hằng năm, BQLDA lập báo cáo quyết toán thu, chi quản lý dự án theo Mẫu số 01/QT-BQLDA, trong đó đã quy định rõ các nội dung chi tương ứng, bao gồm cả khoản chi thu nhập tăng thêm để làm cơ sở trình cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án trong năm theo quy định tại Thông tư này.

2. Trường hợp Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Phú Nhuận là BQLDA nhóm II thì việc lập dự toán, quyết toán thu chi hàng năm thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương II Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, theo đó:

Về nguyên tắc, việc thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm thực hiện theo Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 và việc sử dụng các quỹ, trong đó có quỹ bổ sung thu nhập theo quy chế chi tiêu nội bộ tại Khoản 2 Điều 20 Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017.

Đồng thời, tại Điều 19 Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 quy định việc sử dụng kết quả hoạt động tài chính trong năm, theo đó quy định hằng năm sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp khác theo quy định, nếu có phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên thì BQLDA được trích lập các quỹ cụ thể theo mức trích quy định, theo đó quy định mức trích lập cụ thể đối với Quỹ bổ sung thu nhập.

Thực hiện quy định nêu trên, tùy theo kết quả hoạt động tài chính trong năm, BQLDA được quyết định tổng mức chi trả thu nhập tăng thêm trong năm cho người lao động và Giám đốc BQLDA chi trả thu nhập theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Theo đó, thực hiện chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong năm từ quỹ bổ sung thu nhập. Thời gian chi trả sẽ do BQLDA quyết định tùy theo kết quả hoạt động tài chính trong năm của Ban và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, có thể vận dụng theo Điều 13. Quy định về sử dụng kinh phí tiết kiệm được Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính.

- **Câu hỏi 2:** Mẫu số 05/DT-QLDA, mục 17 quy định về dự phòng: Vậy mức dự phòng theo tỷ lệ bao nhiêu? (Có phải dự phòng này để thực hiện trích quỹ không? Có phải lập dự toán cho các quỹ không?)

Trả lời:

1. Trường hợp Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Phú Nhuận là BQLDA nhóm I thì căn cứ tại Khoản 18 Điều 11 Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 đã quy định: “Dự phòng tối đa bằng 10% của dự toán.”

2. Trường hợp Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Phú Nhuận là BQLDA nhóm II thì tại Điều 21 Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 đã quy định hằng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, nhiệm vụ của năm kế hoạch, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành; căn cứ kết quả hoạt động dịch vụ, tình hình thu, chi tài chính của năm trước liền kề; BQLDA lập dự toán thu, chi năm kế hoạch theo Mẫu số: 01(i)/DT-QLDA, 02/DT-QLDA, 03/DT-QLDA, 05/DT-QLDA gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (cơ quan quyết định thành lập hoặc cơ quan được cơ quan quyết định thành lập ủy quyền) phê duyệt. Việc xác định tỷ lệ dự phòng tại mục 17 của Mẫu số 05/DT-QLDA, BQLDA phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, nhiệm vụ của năm kế hoạch, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và kết quả hoạt động dịch vụ, tình hình thu, chi tài chính của năm trước liền kề để xác định tỷ lệ cho phù hợp, không quy định mức cụ thể. Mức dự phòng này được BQLDA sử dụng trong trường hợp các mục chi thuộc 16 mục của Chi thường xuyên tại Mẫu số 05/DT-QLDA cao hơn mức dự toán đã được phê duyệt.

Hằng năm, BQLDA được sử dụng trích lập các quỹ theo trình tự quy định tại Điều 19 Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp khác theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có). Vì vậy, không phải lập dự toán cho các quỹ.

Bộ Tài chính trả lời kiến nghị đề Bà Nguyễn Thị Minh Phương được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để công khai trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ);
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, ĐT (10).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ ĐẦU TƯ
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Mai Thị Thùy Dương

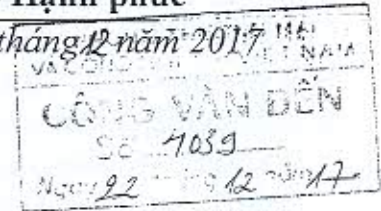
**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5823 /TCT - TTr

V/v trả lời kiến nghị của
Doanh nghiệp.

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2017



Kính gửi: Văn phòng Chính phủ.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 7866/VPCP-ĐMDN ngày 27/7/2017 của Văn phòng Chính phủ gửi Bộ Tài chính và Bộ Công an (do Bộ Tài chính chuyển tới) về việc đề nghị trả lời kiến nghị của Ông Nguyễn Công Lượng - Công ty CP Tư vấn và Đại lý thuế Hà Tĩnh, trong đó giao Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Công an xem xét trả lời.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo trên, Tổng cục Thuế đã có công văn số 3780/TCT-TTr ngày 21/8/2017 và công văn số 4819/TCT-TTr ngày 18/10/2017 gửi cơ quan Cảnh sát điều tra, Bộ Công an về việc đề nghị cơ quan Cảnh sát điều tra, Bộ Công an có ý kiến. Ngày 9/11/2017, Tổng cục Thuế nhận được công văn số 3900/CSĐT-C44(P4) ngày 6/11/2017 của cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an. Được sự ủy quyền của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế tổng hợp báo cáo Văn phòng Chính phủ như sau:

1. Về nội dung vụ việc.

- Qua thanh tra thuế và phúc tra hoàn thuế tại Doanh nghiệp tư nhân Đức Thủy, Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành quyết định số 2100/QĐ-CT ngày 19/9/2016 về việc xử lý thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế. Sau khi ban hành Quyết định xử lý vi phạm về thuế, Cục thuế tiếp tục giám sát việc chấp hành pháp luật về thuế của DNTN Đức Thủy, qua xác minh có các dấu hiệu trốn thuế vượt quá việc xử phạt vi phạm hành chính. Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh đã có công văn số 394/CT-CHS ngày 21/3/2017 và công văn số 424/CT-CHS ngày 24/3/2017 gửi cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh về việc chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật sang cơ quan điều tra đề nghị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh điều tra xử lý theo qui định của Pháp luật.

- Theo đề nghị của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh, Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành quyết định số 1012/QĐ-CT ngày 30/5/2017 về việc hủy một phần quyết định về việc xử lý vi phạm pháp luật về thuế qua thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế và quyết định số 1103/QĐ-CT ngày 31/5/2017 về việc

-VP,
H.V.A.T./

Vinh

22.12.17

T. Hợp

sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại quyết định số 1012/QĐ-CT ngày 30/5/2017 của Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh. Trong đó có nội dung: Hủy một phần quyết định số 2100/QĐ-CT ngày 19/9/2016 của Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh. Như vậy, nội dung xử lý truy thu thuế giá trị gia tăng, truy hoàn thuế giá trị gia tăng, truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền phạt hành vi kê khai sai, tiền chậm nộp thuế (tổng số tiền 1.578.915.216 đồng) tại Quyết định xử lý vi phạm về thuế số 2100/QĐ-CT ngày 19/9/2016 của Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh đã bị hủy.

- Theo ý kiến của cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an tại công văn số 3900/CSĐT-C44(P4) ngày 6/11/2017:

+ Sau khi tiếp nhận hồ sơ thanh tra từ Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh để tiến hành điều tra, xét thấy hành vi của Đặng Tiên Đức, Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Đức Thủy có đủ yếu tố cấu thành tội “Trốn thuế”, qui định tại Điều 161 Bộ Luật hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh đã có văn bản đề nghị Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh hủy quyết định xử phạt hành chính để xử lý theo qui định của pháp luật. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án hành chính giữa doanh nghiệp tư nhân Đức Thủy và Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh.

+ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh xác định, năm 2014 và 2015 DNTN Đức Thủy đã trốn thuế GTGT và thuế TNDN là 2.067.950.314 đồng. Ngày 31/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra lệnh bắt tạm giam đối với ông Đặng Tiên Đức để tiến hành điều tra về hành vi “trốn thuế”.

2. Qui định của pháp luật về đại diện của người nộp thuế.

Căn cứ qui định của pháp luật về đại diện của người nộp thuế là đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền:

- Điểm 2, điểm 4, Điều 11, Mục 1, Chương II Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011.

- Điều 5 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006.

- Điều 6 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.

- Điều 562 (Hợp đồng ủy quyền); Điều 563 (Thời hạn ủy quyền); Điều 564 (Ủy quyền lại); Điều 565 (Nghĩa vụ của bên được ủy quyền); Điều 569 (Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng ủy quyền) của Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015).

Căn cứ các qui định trên và hồ sơ hiện có thì Công ty cổ phần tư vấn và Đại lý thuế Hà Tĩnh (ông Nguyễn Công Lượng) không có hồ sơ văn bản pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp cho DNTN Đức Thủy theo qui định của pháp luật.

Vì vậy, ý kiến của Tổng cục Thuế là không trả lời các nội dung đề nghị của Công ty cổ phần tư vấn và Đại lý Hà Tĩnh (ông Nguyễn Công Lượng) nhưng Tổng cục Thuế sẽ có thông báo để Công ty cổ phần tư vấn và Đại lý thuế Hà Tĩnh (ông Nguyễn Công Lượng) được biết, để thực hiện theo đúng qui định của pháp luật.

Tổng cục Thuế báo cáo Văn phòng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Cơ quan CSĐT, Bộ Công an;
- VCCI;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: VT, TTr (3b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2017

Số: 5854/TCT - TTr

V/v trả lời kiến nghị của
Doanh nghiệp.



Kính gửi: Công ty CP Tư vấn và Đại lý thuế Hà Tĩnh (Ông Nguyễn Công Lượng).

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 7866/VPCP-ĐMDN ngày 27/7/2017 của Văn phòng Chính phủ gửi Bộ Tài chính và Bộ Công an (do Bộ Tài chính chuyển tới) về việc kiến nghị của Ông Nguyễn Công Lượng - Công ty CP Tư vấn và Đại lý thuế Hà Tĩnh, trong đó giao Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Công an xem xét trả lời.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo trên, Tổng cục Thuế đã có công văn số 3780/TCT-TTr ngày 21/8/2017 và công văn số 4819/TCT-TTr ngày 18/10/2017 gửi cơ quan Cảnh sát điều tra, Bộ Công an về việc đề nghị cơ quan Cảnh sát điều tra, Bộ Công an có ý kiến. Ngày 9/11/2017, Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) nhận được công văn số 3900/CSĐT-C44(P4) ngày 6/11/2017 của cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an. Tổng cục Thuế có ý kiến về việc này như sau:

Căn cứ qui định của pháp luật về đại diện của người nộp thuế là đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền:

- Điều 2, điểm 4, Điều 11, Mục 1, Chương II Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011.
- Điều 5 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006.
- Điều 6 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.
- Điều 562 (Hợp đồng ủy quyền); Điều 563 (Thời hạn ủy quyền); Điều 564 (Ủy quyền lại); Điều 565 (Nghĩa vụ của bên được ủy quyền); Điều 569 (Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng ủy quyền) của Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015).

Căn cứ các qui định trên và hồ sơ hiện có thì Công ty cổ phần tư vấn và Đại lý thuế Hà Tĩnh (ông Nguyễn Công Lượng) không có hồ sơ văn bản pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp cho DNTN Đức Thủy theo qui định của pháp luật.

Theo công văn số 3900/CSĐT-C44(P4) ngày 6/11/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh xác định năm 2014 và 2015 DNTN Đức Thủy đã trốn thuế GTGT và thuế TNDN. Ngày 31/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh đã ra quyết định khởi tố Vụ án, khởi tố bị can, ra lệnh bắt tạm giam đối với Ông Đặng Tiến Đức để tiến hành điều tra về hành vi “trốn thuế”. Vậy, đề nghị Công ty cổ phần tư vấn và Đại lý Hà Tĩnh (ông Nguyễn Công Lượng) căn cứ qui định của pháp luật liên hệ trực tiếp với cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh để biết thêm thông tin liên quan.

Tổng cục Thuế thông báo đề Công ty cổ phần tư vấn và Đại lý thuế Hà Tĩnh (ông Nguyễn Công Lượng) được biết và thực hiện theo đúng qui định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Cơ quan CSĐT, Bộ Công an;
- VCCI;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: VT, TTr (3b).

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG THANH TRA TỔNG CỤC THUẾ
BỘ TÀI CHÍNH VỤ TRƯỞNG



Đặng Duy Khanh

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **8334** /TCHQ-GSQL

Hà Nội, ngày **22** tháng **12** năm **2017**

V/v trả lời kiến nghị của Công ty CP Tân Việt Mỹ.



Kính gửi: Công ty cổ phần Tân Việt Mỹ.
(Đ/c: 29/647 Lạc Long Quân, Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội)

Tổng cục Hải quan nhận được công văn số 11219/VPCP-ĐMDN ngày 21/10/2017 của Văn phòng Chính phủ chuyển kiến nghị kèm công văn số 031/CV-TVM ngày 11/10/2017 của Công ty cổ phần Tân Việt Mỹ về việc nhập khẩu trang thiết bị y tế. Về việc này, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

Theo báo cáo của Cục Hải quan TP. Hà Nội về quá trình giải quyết thủ tục hải quan và trình bày của Công ty thì việc thời gian thông quan lô hàng bị kéo dài là do doanh nghiệp chưa nắm vững các quy định của pháp luật về nhập khẩu trang thiết bị y tế; Công ty đã khai báo chưa đúng trị giá của lô hàng. Tổng cục Hải quan đã có giấy mời Công ty đến trao đổi làm rõ vướng mắc, kiến nghị trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan, nhưng Công ty đã không cử người đến dự họp. Theo báo cáo tại công văn số 448/HQHN-GSQL ngày 11/12/2017 của Cục Hải quan TP. Hà Nội thì ngày 04/11/2017, Công ty đã chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, đã nộp thuế và nhập khẩu hàng hóa theo giấy phép của Bộ Y tế, đối với hàng hóa không đúng theo giấy phép đã được niêm phong để thực hiện thủ tục tái xuất theo quy định.

Tổng cục Hải quan đề nghị Công ty khi nhập khẩu hàng hóa cần nghiên cứu kỹ các quy định của pháp luật liên quan đến mặt hàng nhập khẩu để thực hiện theo đúng quy định.

Tổng cục Hải quan có ý kiến đề Công ty cổ phần Tân Việt Mỹ được biết.

- Nơi nhận:
- Như trên;
 - TT Vũ Thị Mai (để b/cáo);
 - Cục HQ TP. Hà Nội (để theo dõi);
 - Công TTĐT Chính phủ (để đăng tải);
 - VCCI (để phối hợp);
 - Lưu: VT, GSQL (3).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Vũ Ngọc Anh

- HVOT
- VP
Vch
25.12.17
- Phóng TH.
Ht

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11576/BTC-ĐT

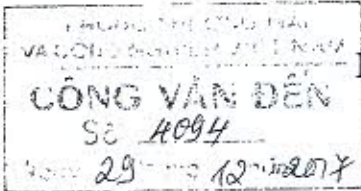
Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2017

V/v trả lời kiến nghị của Ông
Phạm Hữu Học – Công ty
CP Vinaconex

– VP, Ban PC, HV

Nguyen

2/1/2018



Kính gửi: Ông Phạm Hữu Học – Công ty cổ phần Vinaconex

Trả lời câu hỏi của độc giả trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (theo đề nghị của Văn phòng Chính phủ tại văn bản số 13247/VPCP-ĐMDN ngày 12/12/2017 về việc kiến nghị của ông Phạm Hữu Học – Công ty CP Vinaconex); Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Nội dung câu hỏi của ông Phạm Hữu Học – Công ty CP Vinaconex không cung cấp đầy đủ thông tin về gói thầu (nguồn vốn thực hiện, hình thức lựa chọn nhà thầu, thời điểm ký kết hợp đồng, ...); do đó, không đủ cơ sở để trả lời cụ thể nội dung vướng mắc.

2. Một số các quy định có liên quan đến việc thực hiện và quyết toán gói thầu sử dụng vốn nhà nước ký kết hợp đồng theo hình thức hợp đồng trọn gói hiện nay như sau:

2.1. Quy định của Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng về hình thức hợp đồng trọn gói:

2.1.1. Quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 (hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015):

Khoản 5 Điều 138 quy định về hợp đồng xây dựng như sau: “Hợp đồng xây dựng phải được ký kết và thực hiện phù hợp với quy định của Luật này và quy định của pháp luật có liên quan.”

Điều a khoản 2 Điều 143 quy định về điều chỉnh hợp đồng xây dựng như sau: “Do các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của Luật này và pháp luật khác có liên quan;”

2.1.2. Quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 (hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2014):

Điều a, b và d Khoản 1 Điều 62 quy định về hợp đồng trọn gói như sau:

“a) Hợp đồng trọn gói là hợp đồng có giá cố định trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng. Việc thanh toán đối với hợp đồng trọn gói được thực hiện nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Tổng số tiền mà nhà thầu được thanh toán cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng bằng đúng giá trị ghi trong hợp đồng;”

b) Khi áp dụng hợp đồng trọn gói, giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu bao gồm cả chi phí cho các yếu tố rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng, chi phí dự phòng trượt giá. Giá dự thầu phải bao gồm tất cả các chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng;

d) Đối với gói thầu xây lắp, trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, các bên liên quan cần rà soát lại bảng khối lượng công việc theo thiết kế được duyệt; nếu nhà thầu hoặc bên mời thầu phát hiện bảng số lượng, khối lượng công việc chưa chính xác so với thiết kế, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định việc điều chỉnh khối lượng công việc để bảo đảm phù hợp với thiết kế;”

2.1.3. Quy định của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng (hiệu lực thi hành từ ngày 15/6/2015):

Điểm a khoản 3 Điều 15 quy định: “Giá hợp đồng trọn gói là giá hợp đồng không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng đối với khối lượng các công việc thuộc phạm vi hợp đồng đã ký kết, trừ trường hợp bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc phải thực hiện.”

Điểm a khoản 5 Điều 15 quy định: “... Khi áp dụng giá hợp đồng trọn gói thì giá gói thầu, giá hợp đồng phải tính toán đầy đủ các yếu tố rủi ro liên quan đến giá hợp đồng như rủi ro về khối lượng, trượt giá trong thời gian thực hiện hợp đồng và mỗi bên phải tự chịu trách nhiệm đối với các rủi ro của mình.”

Khoản 2 Điều 36 quy định về nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng xây dựng: “Đối với hợp đồng trọn gói, chỉ được điều chỉnh hợp đồng cho những khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc trong hợp đồng đã ký (đối với hợp đồng thi công xây dựng, hợp đồng cung cấp thiết bị là nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế, yêu cầu của hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu; đối với hợp đồng tư vấn là nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện) và trường hợp bất khả kháng.”

Căn cứ vào các quy định nêu trên, đối với hợp đồng trọn gói, việc điều chỉnh hợp đồng cho những khối lượng công việc thuộc phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế là không phù hợp với quy định.

2.2. Điểm b khoản 3 Điều 15 Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước quy định về thẩm tra chi phí xây dựng đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức hợp đồng trọn gói như sau:

“- Đối chiếu nội dung công việc, khối lượng thực hiện trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và các yêu cầu của hợp đồng để xác định khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định;

- Đối chiếu đơn giá trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với đơn giá ghi trong bảng tính giá trị hợp đồng; khi nhà thầu thực hiện đầy đủ các yêu cầu, nội dung công việc, đúng khối lượng công việc hoàn thành và đơn giá ghi trong hợp đồng, bảng tính giá hợp đồng; thì giá trị quyết toán đúng bằng giá trọn gói của hợp đồng đã ký. Không chiết tính lại khối lượng cũng như đơn giá chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quyết định trúng thầu.”

Do đó, đối với hợp đồng trọn gói, khi nhà thầu thực hiện theo đúng thiết kế, giá trị quyết toán đúng bằng giá trọn gói của hợp đồng đã ký kết.

Bộ Tài chính trả lời đề Quý bạn đọc trên Công Thông tin điện tử Chính phủ biết và thực hiện theo đúng quy định./..mh

Nơi nhận: mh

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- VCCI; ✓
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, ĐT, (8).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ ĐẦU TƯ
PHÓ VỤ TRƯỞNG



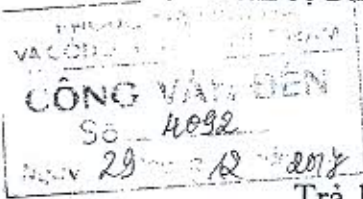
Lê Tuấn Anh

Số: 17605 /BTC-ĐT

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2017

V/v: Chi thu nhập tăng thêm cho
cán bộ Ban QLDA nhóm II

- VP, Ban PC, HV



Kính gửi: Ban quản lý dự án huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

[Handwritten signature]
2/1/2018

T. hợp
2/1/18

Trả lời kiến nghị của Ban QLDA huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu theo đề nghị của Văn phòng Chính phủ tại công văn số 13248/VPCP-ĐMDN ngày 12/12/2017, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

- Tại khoản 2 Điều 18 Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn NSNN quy định: “2. Thu nhập tăng thêm: Nhà nước khuyến khích các BQLDA tăng thu, tiết kiệm chi, thực hiện tinh giản biên chế, tăng thêm thu nhập cho người lao động trên cơ sở hoàn thành nhiệm vụ được giao, sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước; tùy theo kết quả hoạt động tài chính trong năm, BQLDA được quyết định tổng mức chi trả thu nhập tăng thêm trong năm cho người lao động không quá 3 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức do Nhà nước quy định”.

- Tại Điều 19 Thông tư số 72/2017/TT-BTC quy định: Hằng năm sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp khác theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có), BQLDA được sử dụng theo trình tự như sau:

- + Trích lập tối thiểu 25% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.
- + Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập: tối đa không quá 3 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức do Nhà nước quy định.
- + Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi. Mức trích đối với 2 quỹ này tối đa không quá 3 tháng tiền lương, tiền công bình quân thực hiện trong năm.
- + Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

- Tại điểm b khoản 2 Điều 20 Thông tư số 72/2017/TT-BTC quy định về sử dụng Quỹ bổ sung thu nhập như sau: “Chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong năm và dự phòng chi bổ sung thu nhập cho người lao động năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm”.

Từ các căn cứ trên, việc chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức của ban QLDA được sử dụng từ Quỹ bổ sung thu nhập.

Đề nghị đơn vị nghiên cứu, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo)
- Công Thông tin điện tử VPCP (để công khai)
- VCCI; ✓
- Lưu: VT, . Vụ ĐT (07b).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ ĐẦU TƯ
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Lê Tuấn Anh